

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

Công ty cổ phần Giấy Hải Âu - HASCO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải phòng cấp ngày 07/05/2002; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 03/02/2005)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty cổ phần Giấy Hải Âu

Địa chỉ trụ sở: Số 441A Tôn Đức Thắng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: (031) 571.501
Fax: (031) 835.055

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan - Q.Hồng Bàng - Hải Phòng
Điện thoại: (031) 821.405 / 842.335
Fax: (031) 746.266
Email: chungkhoanhaiphong@hn.vnn.vn
Website: <http://www.hpsc.com.vn>

3. Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Thị Phương Loan
Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh chứng khoán, kiêm Thư ký Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, Thành phố Hải Phòng
Số điện thoại: (031) 835 538 Mobi: 0912.565025
Fax: (031) 835.462
Email: hapaco@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI ÂU

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 07/05/2002; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 03/02/2005)

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
Mệnh giá:	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký:	1.289.480 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký:	12.894.800.000 VNĐ
Giá đăng ký giao dịch dự kiến:	12.500 VNĐ/cổ phiếu

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Trụ sở chính: Số 229 Đông Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 272 295 Fax: (84-8) 8 272 300

Chi nhánh Hà Nội: Số 877 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 9 324 133 Fax: (84-4) 9 324 113

Chi nhánh Nha Trang: Số 100 Quang Trung, Thành phố Nha Trang

Điện thoại: (84-58) 811 591 Fax: (84-58) 811 593

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HASECO)

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan - Q.Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: (031) 821.405 / 842.335

Fax: (031) 746.266

Email: chungkhoanhaiphong@hn.vnn.vn

Website: <http://www.hpsc.com.vn>



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức đăng ký.....	5
2. Tổ chức tư vấn.....	5
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	5
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty	6
3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ	10
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con	11
5. Mối quan hệ với Công ty cổ phần Giấy Hải phòng (HAPACO)	11
6. Hoạt động kinh doanh.....	11
7. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
8. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	17
9. Thông tin chung về tình hình lao động	22
10. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	23
11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	25
12. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	25
13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	26
14. Những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký	26
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký.....	26
IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	27
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	27
2. Mệnh giá: 10.000 VNĐ	27
3. Tổng số chứng khoán: 1.289.480 cổ phiếu	27
4. Giá giao dịch dự kiến: 12.500 đồng/cổ phiếu	27
5. Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách	27
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	27
7. Các loại thuế có liên quan.....	28
V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ	29
1. Tổ chức tư vấn niêm yết.....	29
2. Tổ chức kiểm toán.....	29
VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	30
1. Rủi ro về kinh tế.....	30
2. Rủi ro về luật pháp.....	30
3. Rủi ro đặc thù.....	31
4. Rủi ro khác.....	33
VII. PHỤ LỤC	34

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ

Sơ đồ

Sơ đồ 1: Bộ máy quản lý điều hành hiện tại của Công ty	10
Sơ đồ 2: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy vệ sinh và giấy mỏng.....	12
Sơ đồ 3: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy đế dập nhũ	13

Bảng

Bảng 1: Chi tiết doanh thu giai đoạn 2002-2004	12
Bảng 2: Kết quả hoạt động kinh doanh một số năm	14
Bảng 3: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm.....	14
Bảng 4: Chi phí sản xuất giai đoạn 2002 - 2004.....	15
Bảng 5: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm	16
Bảng 6: Cơ cấu lao động tại Công ty	22
Bảng 7: Giá trị TSCĐ tại 31/12/2004.....	23
Bảng 8: Giá trị TSCĐ tại 31/03/2005.....	23
Bảng 9: Chi tiết TSCĐ của Công ty tại 31/03/2005	23
Bảng 10: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2005-2007	25

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký - Công ty cổ phần Giấy Hải Âu

Ông: **Vũ Dương Hiền** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Bà: **Nguyễn Thị Ngọc** Chức vụ: **Giám đốc**

Bà: **Vũ Thị Hiến** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Ông: **Đoàn Văn Minh** Chức vụ: **Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Giấy Hải Âu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Giấy Hải Âu cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCKHN:	Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Công ty:	Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
HĐQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
VĐL:	Vốn Điều lệ
Tổ chức tư vấn:	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải phòng
Điều lệ Công ty:	Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
HAPACO	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
HASCO	Công ty cổ phần Giấy Hải Âu

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu tiên thân là Xí nghiệp giấy mỏng chuyên sản xuất giấy tiêu thụ trong nước, thuộc Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng (HAPACO). Tháng 06 năm 2002, Xí nghiệp giấy mỏng cùng với hai Xí nghiệp giấy xuất khẩu khác được cổ phần hoá và thành lập Công ty cổ phần Giấy Hải Âu. Công ty cổ phần Giấy Hải Âu đi vào hoạt động từ tháng 07/2002.

Kể từ khi thành lập, Công ty đã 2 lần tăng vốn điều lệ. Từ vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 8.130.000.000 VNĐ; tăng lần 1 năm 2003 lên 9.077.300.000 VNĐ; tăng lần 2 năm 2004 lên 12.894.800.000 VNĐ từ việc phát hành thêm cổ phiếu.

Hiện nay trong cơ cấu vốn cổ phần của Công ty cổ phần Giấy Hải Âu, số vốn của HAPACO chiếm 52,54%, các cổ đông bên ngoài công ty chiếm 16,67%, còn lại 30,79% do các cổ đông bên trong Công ty nắm giữ.

Một số thông tin chính về Công ty

- *Tên công ty:* CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HẢI ÂU
- *Tên tiếng Anh:* HAIAU PAPER JOINT STOCK COMPANY
- *Tên viết tắt:* HASCO
- *Địa chỉ trụ sở:* Số 441A Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Phòng
- *Điện thoại, fax:* Tel: (031) 571.501 Fax: (031) 835.055
- *Vốn điều lệ:* 12.894.800.000 VNĐ
- *Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh:* Số 0203000213 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/05/2002; sửa đổi lần 1 ngày 03/02/2005.
- *Lĩnh vực hoạt động*
 - + Sản xuất, gia công các sản phẩm giấy; Sản phẩm chế biến từ lâm sản; sản phẩm bao bì, nhựa, gỗ, vải giả da, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu.
 - + Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, máy móc, nguyên liệu, hoá chất và các mặt hàng khác (*trừ mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh*).

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

Căn cứ để xây dựng mô hình bộ máy tổ chức quản lý của Công ty là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 12/06/1999 và các văn bản pháp lý có liên quan; được cụ thể hoá bằng bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Bản Điều lệ được thông qua lần đầu vào ngày 29/07/2002 và được sửa đổi, bổ sung tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ:

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần do Hội đồng quản trị đề nghị;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định các vấn đề về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, gia hạn, giải thể, tuyên bố phá sản, thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, phá sản, xin phép gia hạn hoạt động của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, vốn Điều lệ của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này;
- Quyết định mua, bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Thông qua báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và các quỹ của Công ty do Hội đồng quản trị trình, Báo cáo của ban kiểm soát;
- Nghe và chất vấn báo cáo của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Quy định thù lao hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (nếu có);
- Thông qua kế hoạch phát triển hàng năm và định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty do Hội đồng quản trị đề nghị.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm từ 5 đến 11 thành viên có nhiệm kỳ 3 năm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể gồm các nhiệm vụ:

- Quản trị Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật. Thành lập các công ty thành viên, góp vốn, liên doanh vào các công ty khác; thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - + Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty, huy động vốn;
 - + Chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - + Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần;
 - + Chương trình thực hiện các đề án cụ thể và quan hệ quốc tế.
- Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả sản xuất, kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
- Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia cổ tức và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc.
- Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Có quyền quyết định bổ sung thêm 01 thành viên vào HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất chuẩn y bằng phiếu biểu quyết.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên cùng có nhiệm kỳ 03 năm như Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để giải quyết các vấn đề tồn đọng. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những vấn đề thuộc nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

- Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).
- Được quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc chỉ thị cho các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bản tổng kết năm tài chính.
- Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát viên trưởng được tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Kiểm soát viên trưởng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Công ty có những dấu hiệu bất thường trong sản xuất kinh doanh thua lỗ 2/3 vốn điều lệ trở lên.

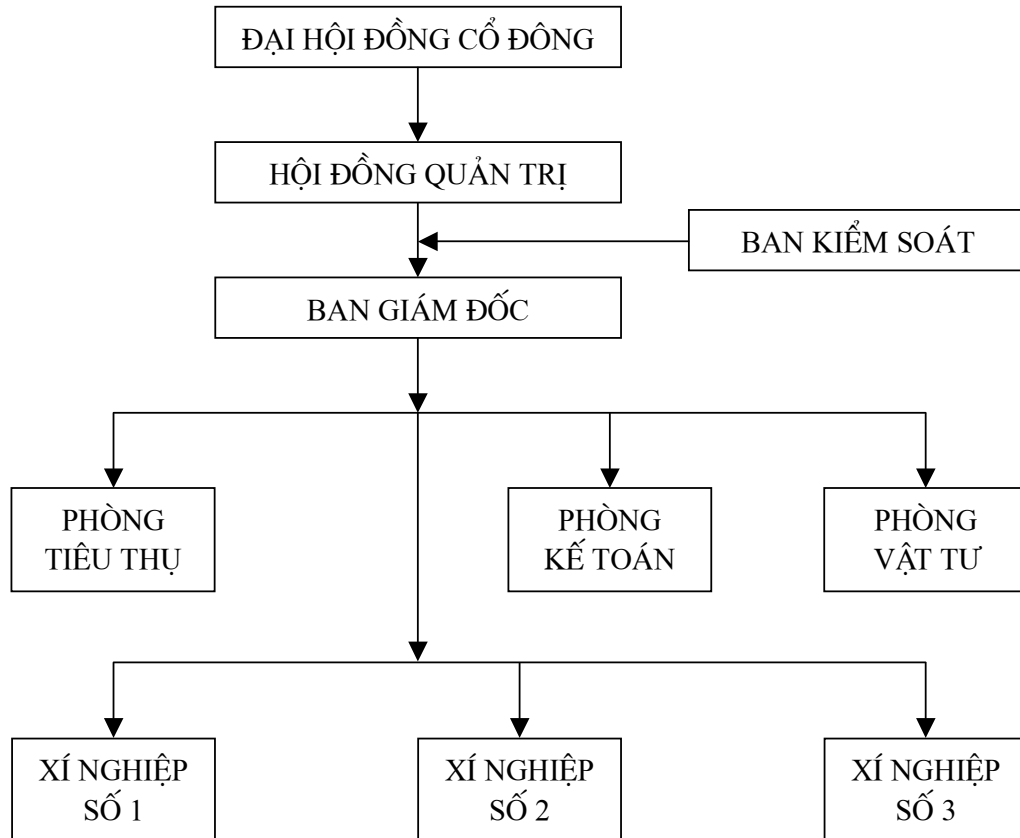
Ban Giám đốc

Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch. Theo quy định tại Điều lệ Công ty, Giám đốc có các nhiệm vụ:

- Điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.
- Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm.
- Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định).
- Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công nhân viên dưới quyền, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị quyết định.
- Ký kết các Hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị trừ những việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.
- Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật và theo phân công của Hội đồng quản trị.
- Có trách nhiệm quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Đại diện cho Công ty để khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi, tài sản của Công ty.
- Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, các hợp đồng dân sự với khách hàng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc ký kết thực hiện đó. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Luật Doanh nghiệp.

Sơ đồ 1: Bộ máy quản lý điều hành hiện tại của Công ty



3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại 31/03/2005

Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng:

Đại diện: Ông Vũ Dương Hiền

Vốn góp: 6.774.500.000 đồng tương ứng 677.450 cổ phần chiếm 52,54% vốn điều lệ.

Trụ sở chính: Số 441A xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc:

Vốn góp: 150.000.000 đồng tương ứng 15.000 cổ phần, chiếm 1,16% VĐL.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5A9 khu tập thể An Dương, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Bà Nguyễn Thị Chùng:

Vốn góp: 7.000.000 đồng tương ứng 700 cổ phần, chiếm 0,05% Vốn điều lệ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể Công ty Giấy số 13 đường Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

Không có

5. Mối quan hệ với Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng (HAPACO)

Hiện HAPACO nắm giữ cổ phần chi phối HASCO với tỷ lệ 52,54% cổ phần. Chủ tịch HĐQT của HASCO là Ông Vũ Dương Hiền cũng chính là Chủ tịch HĐQT của HAPACO. Mối liên hệ giữa HASCO và HAPACO còn thể hiện qua:

- HASCO lấy chính thương hiệu HAPACO của Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng làm thương hiệu cho tất cả sản phẩm của mình. HAPACO hiện là thương hiệu giấy chất lượng cao có uy tín ở thị trường trong và ngoài nước.
- Thị trường xuất khẩu của HASCO sang Đài Loan cũng bắt đầu từ việc thông qua HAPACO.
- Mạng lưới phân phối nội địa của HASCO được xây dựng chung trên cơ sở sẵn có của HAPACO.
- Thị trường đầu vào như cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thiết bị cùng được triển khai và mở rộng chung với HAPACO.
- Quan hệ với các đối tác khác được kế thừa và tạo lập trên các quan hệ sẵn có của HAPACO.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Sản phẩm chính của Công ty chủ yếu là các loại giấy đế dập nhũ xuất khẩu, giấy vệ sinh, khăn giấy. Trong đó sản phẩm chính của công ty là sản xuất và xuất khẩu giấy đế sang Đài Loan cùng với Công ty (HAPACO), trong khi các doanh nghiệp khác trong ngành không sản xuất mặt hàng này. Vì vậy, sản phẩm của Công ty có uy tín và duy trì được bán hàng tại Đài Loan.

Theo quy trình sản xuất, Công ty sẽ mua các cuộn giấy đế do HAPACO sản xuất rồi gia công thành sản phẩm hoàn chỉnh xuất sang thị trường Đài Loan. *Đây cũng là sản phẩm mang lại doanh thu cao nhất cho Công ty.*

Các sản phẩm giấy ăn, giấy tissue, giấy vệ sinh mang nhãn hiệu HAPACO của Công ty là các sản phẩm có chất lượng cao và uy tín trên thị trường trong nước, được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Cùng với Công ty HAPACO, Công ty Giấy Hải Âu cũng nằm trong hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001 - 2000, khẳng định được uy tín và chất lượng của nhãn hiệu HAPACO trên thương trường.

Bảng 1: Chi tiết doanh thu giai đoạn 2002-2004 (Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004
Doanh thu xuất khẩu	7.964.200.000	18.669.040.000	25.036.417.751
Doanh thu nội địa	4.406.909.016	8.649.034.019	13.811.247.947
Doanh thu khác	380.815.500	-	-
Tổng cộng Doanh thu	12.751.924.516	27.318.074.019	38.847.665.698

6.2. Trình độ công nghệ sản xuất

Hiện nay, bên cạnh việc gia công sản phẩm giấy đế dập nhũ, Công ty có hai dây chuyên sản xuất giấy vệ sinh, công suất mỗi dây chuyên là 1.500 tấn/năm:

Dây chuyên thiết bị sản xuất giấy vệ sinh:

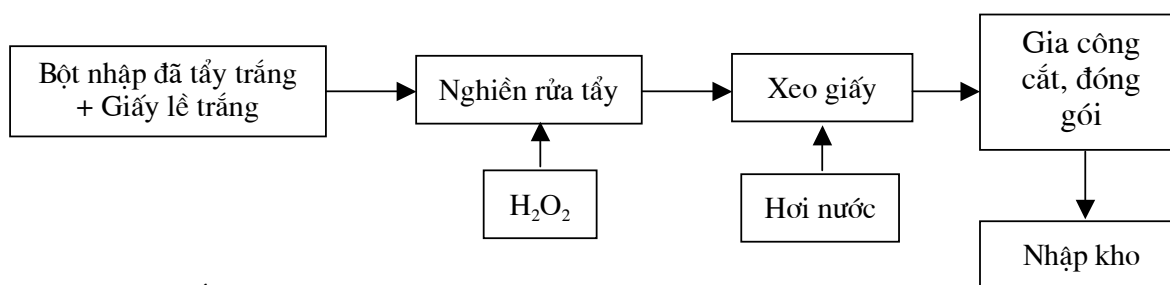
+ Công suất thiết kế: 3.000 tấn / năm

+ Công suất vận hành: 2.600 tấn / năm

6.3. Quy trình sản xuất

a. Quy trình sản xuất giấy vệ sinh và các loại giấy mỏng

Sơ đồ 2: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy vệ sinh và giấy mỏng



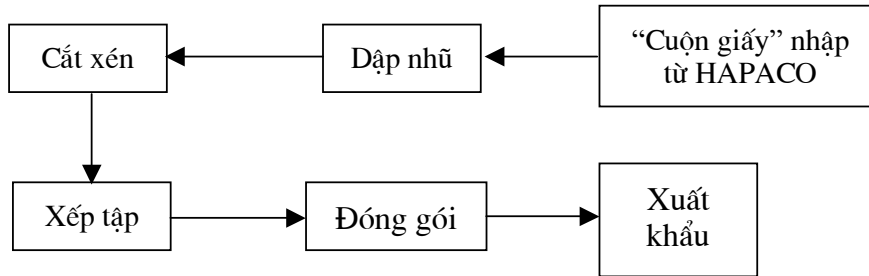
Thuyết minh

Nguyên liệu là bột và lê trắng được đưa vào máy nghiền Hà Lan để đánh tơi, rửa và tẩy bằng H₂O₂.

Bột nghiền đạt yêu cầu về độ SR thì đưa tời máy xeo để tạo thành tờ giấy. Tờ giấy ướt đưa tới lô sấy tạo chín bằng hơi nước và sấy khô cuộn lại theo kích thước đặt sẵn trên máy. Cuộn giấy được đưa gia công thành các sản phẩm giấy vệ sinh, khăn giấy hoặc đưa vào in hoa, cắt, gấp, cuối cùng được đóng hộp.

b. Quy trình gia công giấy để dập nhũ

Sơ đồ 3: Sơ đồ quy trình sản xuất giấy để dập nhũ



Thuyết minh

Cuộn giấy để do HAPACO sản xuất được HASCO nhập về.

Sau đó giấy được chuyển dập nhũ theo tiêu chuẩn, đưa sang máy cắt xén thành khổ theo kích thước yêu cầu của khách hàng nước ngoài.

Cuối cùng, bộ phận đóng gói sẽ chia sản phẩm thành tập nhỏ, kèm nhãn mác và buộc nịt, đóng dấu, đóng kiện và đưa vào kho thành phẩm.

6.4. Kế hoạch phát triển kinh doanh

- Định hướng đầu tư:
 - + Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu đa dạng hoá các sản phẩm giấy vệ sinh, khăn giấy chất lượng cao, mẫu mã đẹp phù hợp với thị hiếu và mức thu nhập của người Việt Nam.
 - + Thứ hai, đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất để tăng lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, đầu tư đa dạng hoá các sản phẩm từ giấy và các sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu giấy như các loại bao bì,...
 - + Thứ ba, mở rộng quy mô thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước bằng cách tổ chức hoàn thiện mạng lưới phân phối trong cả nước và từng bước xuất khẩu sang các thị trường vùng Viễn Đông
 - + Thứ tư, cùng với Công ty Giấy Hải Phòng dành một phần thích đáng nguồn lực để phát triển thương hiệu giấy HAPACO.
 - + Cuối cùng là đầu tư phát triển nguồn nhân lực để thu hút được nhân tài làm việc tại Công ty.
- Các phương thức đầu tư:
 - + Hợp tác liên doanh trong nước và nước ngoài.
 - + Đầu tư trong nước theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

7. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2: Kết quả hoạt động kinh doanh một số năm (số liệu năm 2004 đã kiểm toán)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004	Quý I/2005
1	Tổng giá trị tài sản	13.477.648.347	21.252.615.008	21.346.812.907
2	Doanh thu thuần	27.257.729.085	38.850.385.726	10.359.929.405
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.490.144.794	3.626.148.847	1.223.076.903
4	Lợi nhuận khác	-	8.097.436	2.236.297
5	Lợi nhuận trước thuế	2.490.144.794	3.637.886.351	1.225.313.200
6	Lợi nhuận sau thuế	2.490.144.794	3.460.530.283	1.072.149.050
7	Phân lợi nhuận trả cổ tức	1.231.181.000	1.934.220.000	-
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	49,44%	55,89%	-
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	14,00%	15,00%	-

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2004

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2004: doanh thu tăng 42,22% so với năm 2003, lợi nhuận sau thuế đạt 3,460 tỷ đồng tăng 38,96% so với năm 2003. Mức tăng trưởng cao đó do tác động của một số nguyên nhân sau:

- Trong Quý IV/2004 Công ty đã đưa thêm một dây chuyền sản xuất giấy vệ sinh công suất 1.500 tấn/năm vào hoạt động.
- Sản lượng giấy để nhũ xuất khẩu vào thị trường Đài Loan tăng ổn định; Công ty khai thác thêm được một số bạn hàng mới.
- Công ty mở rộng thêm 01 xưởng sản xuất giấy thủ công.
- Góp phần tăng lợi nhuận của công ty trong năm là các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm tỷ trọng giá vốn trên tổng doanh thu,.

7.3. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 3: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2002		Năm 2003		Năm 2004	
		Thực hiện	% tăng trưởng	Thực hiện	% tăng trưởng	Thực hiện	% tăng trưởng
1	Giá trị sx công nghiệp (tỷ VNĐ)	13,62	-	29,35	115%	40,75	38,8%
2	Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	12,74	-	27,26	114%	38,85	42,2%
3	Sản lượng sản phẩm (tấn)	1.802	-	3.930	118%	5.157	27,7%

7.4. Chi phí sản xuất

Bảng 4: Chi phí sản xuất giai đoạn 2002 - 2004

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2002		Năm 2003		Năm 2004	
	Giá trị	%/Dthu	Giá trị	%/Dthu	Giá trị	%/Dthu
Doanh thu	12.751,92		27.318,07		38.850,67	
Giá vốn hàng bán	11.965,42	93,83%	24.351,08	89,14%	34.124,78	87,84%
Giá vốn hàng bán nội địa	4.613,33	36,18%	7.030,62	25,74%	11.625,97	29,92%
Giá vốn hàng bán xuất khẩu	7.352,09	57,65%	17.320,46	63,40%	22.498,81	57,91%
Chi phí bán hàng	59,68	0,47%	161,16	0,59%	963,14	2,48%
Chi phí nhân viên	13,50	0,11%	27,78	0,10%	81,33	0,21%
Chi phí vận chuyển	17,20	0,13%	61,02	0,22%	105,24	0,27%
Chi phí khấu hao	10,62	0,08%	21,23	0,08%	20,03	0,05%
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	2,28	0,02%	26,52	0,10%	65,02	0,17%
Chiết khấu bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	472,46	1,22%
Chi phí trích trước - CN Hà Nội	-	0,00%	-	0,00%	117,80	0,30%
Chi phí khác	16,08	0,13%	24,61	0,09%	101,26	0,26%
Chi phí QLDN	63,71	0,50%	104,28	0,38%	175,36	0,45%
Chi phí nhân viên quản lý	13,38	0,10%	42,21	0,15%	80,42	0,21%
Chi phí khấu hao	0,78	0,01%	1,54	0,01%	-	0,00%
Chi phí điện thoại, fax	-	0,00%	47,62	0,17%	18,86	0,05%
Chi phí công cụ dụng cụ	-	0,00%	-	0,00%	47,25	0,12%
Chi phí thuế, lệ phí	-	0,00%	3,00	0,01%	19,54	0,05%
Chi phí quản lý khác	49,55	0,39%	9,91	0,04%	9,29	0,02%

(Ghi chú: Số liệu các năm 2002, 2004 là số liệu theo BCTC đã được kiểm toán)

Nhìn vào bảng phân tích chi phí ta có thể thấy kể từ khi thành lập năm 2002, có hai xu hướng biến động chi phí chính là:

- Tỷ trọng giá vốn trên doanh thu của Công ty giảm dần qua từng năm; đây là kết quả của công tác quản lý chi phí sản xuất đã được Ban giám đốc quan tâm.

- Bên cạnh đó, một xu hướng biến động quan trọng khác là xu hướng tăng tỷ trọng chi phí bán hàng. Nguyên nhân là do trong thời gian gần đây, Công ty chú trọng hoạt động marketing, mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận.

7.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 5: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2003	Năm 2004	Quý I/2005
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán tổng quát	<i>lần</i>	4,37	3,92	4,36
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	1,89	3,41	4,02
	Khả năng thanh toán tức thời	<i>lần</i>	0,40	0,07	0,31
2	Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản				
	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	<i>%</i>	42,99	52,32	53,88
	Tài sản cố định / Tổng tài sản	<i>%</i>	57,01	47,68	46,12
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	<i>%</i>	22,90	25,49	22,91
	Vốn CSH / Tổng nguồn vốn	<i>%</i>	77,10	74,51	77,09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	<i>%</i>	9,14	8,91	10,35
	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	<i>%</i>	23,96	21,85	6,52
	Lợi nhuận HĐKD / Doanh thu thuần	<i>%</i>	9,14	9,33	11,81
5	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
	<i>Số lượng cổ phần</i>		907.730	1.289.480	1.289.480
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	<i>VNĐ</i>	2.743	2.684	832
	Giá trị sổ sách của cổ phần	<i>VNĐ</i>	11.202	12.063	12.544

(Số liệu tính toán trên giá trị cổ phần là 10.000 đồng/CP để so sánh)

Nhận xét chung:

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp ở mức rất an toàn, nguồn vốn vay chỉ chiếm tỷ trọng từ 22% - 26% tổng nguồn vốn hoạt động của Công ty.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của công ty có xu hướng tăng trưởng hàng năm và ở mức cao. Trong Quý I năm 2005, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ đã đạt 6,52%; như vậy cả năm sẽ có khả năng đạt cao hơn năm 2004.
- Hàng năm Công ty duy trì một mức trả cổ tức hợp lý để đảm bảo có nguồn vốn tích lũy, vì vậy chỉ tiêu giá trị sổ sách của Công ty đều có mức tăng trưởng hàng năm.

8. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

8.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Ủy viên
Bà Lê Thị Phương Loan	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên - Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Ủy viên
Bà Lê Thị Vượng	Ủy viên

8.2 Danh sách Ban giám đốc

Bà Nguyễn Thị Ngọc	Giám đốc
--------------------	----------

8.3 Danh sách Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Dung	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Sếnh	Ủy viên
Bà Trần Thị Thủy	Ủy viên

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Vũ Dương Hiền

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/09/1944
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu (đảm nhiệm chức vụ từ khi thành lập Công ty đến nay)
- Quá trình công tác :
 - 1958 - 1964: Giáo viên trường phổ thông cấp I, II xã Minh Tân
 - Năm 1965: Học trường chính trị ngành giáo dục, bí thư đoàn trường
 - 1965 - 1966: Hiệu trưởng trường PT cấp I,II xã Minh Tân
 - 1968 - 1977: Bí thư Đảng bộ XN đồ dùng dạy học
 - 1977 - 1982: Làm tại Ban khoa giáo thành uỷ
 - 1982 - 1999: Giám đốc Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến
 - 1999 - nay: Tổng giám đốc - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ khoa học kinh tế - Chuyên viên lý luận chính trị cao cấp

**Bà Nguyễn Thị
Thanh Bình**

- Số cổ phần nắm giữ: Ông Vũ Dương Hiền là người đại diện cho phần vốn góp của HAPACO tại HASCO tương đương 677.450 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan:
 - Con: Vũ Xuân Cường, số cổ phần nắm giữ: 106.650 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/10/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Đầu tư Thái Anh
- Quá trình công tác:
 - 1980 - 2002: Là giáo viên quận Lê Chân, Hải Phòng
 - 2002 - nay : Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Đầu tư Thái Anh
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán
- Số cổ phần nắm giữ: 25.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

**Bà Lê Thị Phương
Loan**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/09/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Kinh doanh chứng khoán kiêm thư ký Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
- Quá trình công tác :
 - 1992 - 1995 : Nhân viên Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
 - 1995 - 1999 : Phó chánh văn phòng Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
 - 1999 - 2000 : Phó chánh văn phòng kiêm thư ký TGD Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
 - 2000 - 2003 : Phó phòng KD chứng khoán kiêm thư ký TGD Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
 - 2003 - nay : Trưởng phòng KD chứng khoán kiêm thư ký Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn :
 - Cử nhân kinh tế (Kế toán)
 - Cử nhân Anh văn

Ông Vũ Xuân Cường

- Số cổ phần nắm giữ: 40.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/04/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Vận tải biển Việt Pháp
- Quá trình công tác :
 - 1994 - nay: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Vận tải biển Việt Pháp
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Số cổ phần nắm giữ: 106.650 cổ phần (Mệnh giá 10.000VNĐ)
- Những người có liên quan:
 - Bó: Vũ Dương Hiền, là người đại diện cho số cổ phần của HAPACO tại HASCO: 677.450 cổ phần; chiếm 52,54% vốn điều lệ (Mệnh giá 10.000 VNĐ).
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/12/1952
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu (đảm nhiệm chức vụ từ khi thành lập HASCO đến nay)
- Quá trình công tác:
 - 1975-1987: Phòng kiểm nghiệm-Nhà máy Giấy Đồng Tiến
 - 1987 - 1992: Phó quản đốc Xưởng sản xuất số 1 - Xí nghiệp Giấy Hải Phòng
 - 1992 - 1999: Giám đốc Xưởng sản xuất giấy mỏng - Xí nghiệp Giấy Hải Phòng
 - 1999 - 2001: Giám đốc Xí nghiệp giấy mỏng - Công ty CP Giấy Hải Phòng
 - 2001 - nay: Giám đốc Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : chuyên viên quản lý
- Số cổ phần nắm giữ: 15.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

Ông Nguyễn Ngọc Hải

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/08/1943
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại : Nghỉ hưu
- Quá trình công tác :
 - 1992 - 1999: Giám đốc Sở Công nghiệp Hải Phòng
 - 2000 - 2004: Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng
 - 2005 - nay: Nghỉ hưu
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật
- Số cổ phần nắm giữ: 33.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

Bà Lê Thị Vương

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 25/01/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại : Giám đốc Công ty TNHH XNK Cát Vương
- Quá trình công tác :
 - 1983 - 1989 : Viện Khoa Học Việt Nam
 - 1989 - 1992 : Thực tập sinh Viện Địa lý
 - 1993 - 2002 : Văn phòng đại diện ở Nga
 - 2002 - nay: Giám đốc Công ty TNHH XNK Cát Vương
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Vô tuyến thám không
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Bà Vũ Thị Dung

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/03/1941
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại : Kiểm soát viên trưởng Công ty CP Giấy Hải Âu
- Quá trình công tác:
 - 1958 - 1962: Công nhân Nhà máy Cá hộp Hạ Long, Hải phòng
 - 1962 - 1967: Kế toán Xí nghiệp nước đá Việt Hoa (Nhà máy Bia Hải phòng)
 - 1967 - 1971: Phó Giám đốc Xí nghiệp Chè hương Hải phòng
 - 1971 - 1992: Phó Giám đốc - Bí thư Đảng uỷ Nhà máy Giấy Hải phòng
 - 1992 - 2002 : Giám đốc Công ty TNHH VIDA
 - 2002 - nay : Kiểm soát viên trưởng Công ty cổ phần Giấy Hải Âu
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Kế toán)
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

Bà Phạm Thị Sếnh

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 23/05/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: công tác tại Phòng kinh doanh tiếp thị - Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu
- Quá trình công tác :
 - Hiện đang công tác tại Phòng kinh doanh tiếp thị - Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế hoạch
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
- Những người có liên quan: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

- Bà Trần Thị Thủy**
- Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 10/10/1952
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Chức vụ hiện tại : Hiệu Trưởng Trường THCS Tô Hiệu
 - Quá trình công tác :
 - 1974 - 1975: Giáo viên Trường Trương Công Định
 - 1976 - 1982: Giáo viên Trường Cấp 1, 2 Ngô Quyền
 - 1983 - 1989: Hiệu Phó Trường Cấp 1,2 Dư Hàng
 - 1990 - 1997: Hiệu Phó Trường THCS Tô Hiệu
 - 1998 - nay : Hiệu Trưởng Trường THCS Tô Hiệu
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Quản lý
 - Số cổ phần nắm giữ: 9.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ)
 - Những người có liên quan: không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký: không

9. Thông tin chung về tình hình lao động

9.1. Cơ cấu lao động

Bảng 6: Cơ cấu lao động tại Công ty

<i>Trình độ</i>	<i>Số lượng (người)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Trên Đại học	2	1,1
Đại học	9	5,0
Cao đẳng	1	0,6
CN kỹ thuật	70	39,1
Sơ cấp	97	54,2
Tổng cộng	179	100%

9.2. Chính sách chung với người lao động

- Người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật về lao động bao gồm các khoản trợ cấp, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...
- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học hỏi, nâng cao tay nghề; giúp người lao động phát huy tính sáng tạo và tinh thần tập thể.
- Công ty có chính sách khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp, sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao; đồng thời cũng có những chế tài thích hợp đối với các cán bộ, công nhân có hành vi ảnh hưởng xấu đến hoạt động và uy tín của Công ty.

10. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 7: Giá trị TSCĐ tại 31/12/2004

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%/Tổng TS
1	Nhà cửa vật kiến trúc	3.376.106.548	2.588.957.708	12,18%
2	Máy móc	9.088.288.951	7.492.323.625	35,26%
3	Thiết bị vận tải truyền dẫn	103.369.939	51.684.970	0,24%
4	Dụng cụ quản lý	-	-	
5	Tổng TSCĐ hữu hình	12.567.765.438	10.132.966.294	47,68%
6	TSCĐ vô hình	-	-	-
7	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
	Tổng cộng	12.567.765.438	10.132.966.294	47,68%

Bảng 8: Giá trị TSCĐ tại 31/03/2005

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%/Tổng TS
1	Nhà cửa vật kiến trúc	3.376.106.548	2.498.591.356	11,70%
2	Máy móc	9.145.452.371	7.299.655.327	34,20%
3	Thiết bị vận tải truyền dẫn	103.369.939	46.516.472	0,22%
4	Dụng cụ quản lý	-	-	
5	Tổng TSCĐ hữu hình	12.624.928.858	9.844.763.155	46,12%
6	TSCĐ vô hình	-	-	-
7	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
	Tổng cộng	12.624.928.858	9.844.763.155	46,12%

Bảng 9: Chi tiết TSCĐ của Công ty tại 31/03/2005

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Số khấu hao	GTCL
I.	Nhà vật kiến trúc	3.376.106.548	877.515.192	2.498.591.356
1	Nhà xưởng SX giấy WC	2.122.262.583	583.622.210	1.538.640.373
2	Nhà xưởng SX in 2	357.821.337	164.001.445	193.819.892
3	Sân đường nội bộ	399.675.397	109.910.735	289.764.662

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Số khấu hao	GTCL
4	Trạm biến áp 560KVA 0,4KV	30.288.493	8.329.334	21.959.159
5	Bệ móng máy	466.058.738	11.651.468	454.407.270
II.	Máy móc thiết bị SX	9.145.452.371	1.845.797.044	7.299.655.327
1	Máy móc thiết bị của Đài Loan	331.813.120	152.081.016	179.732.104
2	Máy cuộn lõi tự động	56.712.000	15.595.800	41.116.200
3	Máy cắt phân đoạn	73.253.000	20.145.575	53.107.425
4	Bộ phận chuẩn bị NL	872.679.102	239.986.755	632.692.347
5	Máy xeo lõi tròn	2.470.137.478	679.287.808	1.790.849.670
6	Máy cuộn lại và đột lỗ	281.497.148	77.411.717	204.085.431
7	Máy cắt phân đoạn	211.251.684	58.094.212	153.157.472
8	Máy xếp khăn ăn	263.718.401	72.522.560	191.195.841
9	Cân trực trôn	62.418.557	17.165.104	45.253.453
10	Máy cắt cuộn giấy WC	71.157.154	19.568.218	51.588.936
11	Máy mài dao	97.274.531	26.750.495	70.524.036
12	Nồi hơi	355.971.013	97.892.027	258.078.986
13	Máy gấp khăn hộp	355.977.407	97.893.786	258.083.621
14	Máy gấp khăn túi	63.395.388	17.433.733	45.961.655
15	Máy đóng bán tự động	23.033.833	6.334.305	16.699.528
16	Thiết bị khử cặn nồi hơi	33.950.400	14.711.840	19.238.560
17	Máy buộc dây	33.642.816	13.457.127	20.185.689
18	Máy đóng đai	33.642.816	13.457.127	20.185.689
19	Máy in	92.341.007	36.936.401	55.404.606
20	Máy mài dao	63.660.865	25.464.345	38.196.520
21	Quả lô cao su Nhật của HPC	42.198.800	10.549.700	31.649.100
22	Quả lô lõi nhập của HPC	180.852.000	45.213.000	135.639.000
23	Máy nén khí PN8/6	14.285.714	2.380.953	11.904.761
24	Tủ biến tần	112.978.342	11.297.834	101.680.508
25	Nồi hơi và thiết bị phụ trợ	672.547.675	16.813.692	655.733.983
26	Dây truyền may xeo số 2	2.217.898.700	55.447.468	2.162.451.232
27	Tủ biến tần	57.163.420	1.904.446	55.258.974
III.	Thiết bị truyền dẫn SX	103.369.939	56.853.467	46.516.472
1	Xe ô tô	103.369.939	56.853.467	46.516.472
	TỔNG CỘNG	12.624.928.858	2.780.165.703	9.844.763.155

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 10: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2005-2007

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Kế hoạch	% tăng trưởng	Kế hoạch	% tăng trưởng	Kế hoạch	% tăng trưởng
Doanh thu thuần (triệu đồng)	48.000	23,1	52.000	8,4	54.000	3,9
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	4.100	13,8	4.500	9,7	4.800	6,7
Tỷ lệ LN sau thuế/Dthu thuần	8,54%	-	8,65%	-	8,89%	-
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn Chủ SH	31,78%	-	34,90%	-	37,20%	-
Mức chi trả cổ tức dự kiến	15%	-	15%	-	15%	-

Theo Điều lệ Công ty, trước khi chia cổ tức cho các cổ đông, lợi nhuận sau thuế phải trích lập các quỹ:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung dự trữ chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ thì thôi trích quỹ này.
- Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa vào kết quả kinh doanh hàng năm.

12. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Thị trường xuất khẩu giấy đế dập nhũ sang Đài Loan vẫn đang được duy trì và tăng trưởng hàng năm. Với mặt hàng giấy vệ sinh, hiện bên phía Đài Loan đã có nhu cầu nhưng khả năng sản xuất của Công ty chưa thể đáp ứng được nhu cầu.
- Do hoạt động xuất khẩu được ưu đãi thuế nên khi tăng sản lượng xuất khẩu lợi nhuận sẽ tăng.
- Trong giai đoạn tới, một số dự án chiến lược sẽ được Công ty đưa vào triển khai, cụ thể:
 - + Góp 25% vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Hải Hà để xây dựng nhà máy bột bán hoá ở tỉnh Hà Giang. Dự án này đã được khởi công ngày 18/05/2005 và sẽ hoàn thành trong vòng 6 tháng; thời gian hoàn vốn dự kiến là 6 năm 7 tháng và ngay từ năm đầu tiên đã có thể mang lại lợi nhuận.
 - + Lắp thêm 1 dây chuyền sản xuất giấy lụa để tăng sản lượng xuất khẩu khi thị trường ổn định.
 - + Thực hiện dự án nhà máy giấy xuất khẩu 10.000 tấn/năm tại huyện Thủy Nguyên.
- Sau một thời gian đi vào hoạt động, công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty đã phát huy được hiệu quả, góp phần làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng là một tổ chức tư vấn tài chính và chứng khoán chuyên nghiệp. Chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích đánh giá để đưa ra những nhận định về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Giấy Hải Âu.

Trong nhiều năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam đạt được những thành tựu rất to lớn. Tốc độ tăng trưởng GDP luôn ở mức trên 7%, đây là tốc độ cao trong khu vực và trên thế giới. Thu nhập bình quân đầu người cũng tăng kéo theo thị trường tiêu dùng ngày càng mở rộng. Việc chính thức gia nhập AFTA và nỗ lực gia nhập WTO vào cuối năm 2005 được đánh giá là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Các ngành kinh tế trong đó có ngành giấy đang đứng trước cơ hội lớn để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Theo số liệu của Hiệp hội ngành Giấy, năm 2002, cả nước sản xuất được 22.000 tấn giấy vệ sinh. Các công ty có số lượng sản xuất lớn là Công ty giấy Bãi Bằng (10.000 tấn), Nhà máy giấy Bình An (3.876 tấn), Công ty cổ phần giấy Hải Phòng (3.000 tấn) và Xí nghiệp giấy Mai Lan (2.000 tấn).

Dự báo tiêu thụ về giấy vệ sinh và khăn giấy cho năm 2005 là 32.500 tấn, năm 2010 là 49.800 tấn (khoảng 0,6kg/người/năm). Như vậy, năng lực sản xuất giấy vệ sinh hiện tại chỉ đáp ứng được khoảng 68% nhu cầu hiện tại và 44% nhu cầu của năm 2010, cho thấy ngành giấy cần phải có các kế hoạch đầu tư lớn và mở rộng để đáp ứng nhu cầu trong tương lai.

(Nguồn số liệu: <http://www.agroviet.gov.vn/>; <http://www.mpi.gov.vn/>)

Bên cạnh đó, mặt hàng giấy để xuất khẩu sang Đài Loan vẫn duy trì mức độ tăng trưởng ổn định và được đối tác đánh giá cao.

Như vậy, nếu không có những tác động bất thường tới nền kinh tế và tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận Công ty đề ra cho giai đoạn 2005-2007 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức sẽ đảm bảo cho các cổ đông một mức thu nhập tốt và đảm bảo cho doanh nghiệp có nguồn lợi nhuận tích lũy cho tái đầu tư mở rộng sản xuất.

14. Những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký

Không có.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký

Hiện tại, các thông tin thu thập được của tổ chức tư vấn cho thấy Công ty không vướng vào bất kỳ một vụ tranh chấp, kiện tụng nào và cũng không có thông tin liên quan nào có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của Công ty.

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 VNĐ
3. Tổng số chứng khoán: 1.289.480 cổ phiếu
4. Giá giao dịch dự kiến: 12.500 đồng/cổ phiếu
5. Phương pháp tính giá: Giá trị sổ sách

Trên cơ sở số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty, giá trị sổ sách được tính cụ thể như sau:

Tại thời điểm 31/12/2004

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên} &= \frac{[\text{Vốn chủ sở hữu - Giá trị cổ phần ưu đãi}]}{\text{Tổng số cổ phiếu thường}} \\ \text{mỗi cổ phiếu thường} &= \frac{[15.554.760.150 - 0]}{1.289.480} \\ &= 12.063 \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/03/2005

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên} &= \frac{[\text{Vốn chủ sở hữu - Giá trị cổ phần ưu đãi}]}{\text{Tổng số cổ phiếu thường}} \\ \text{mỗi cổ phiếu thường} &= \frac{[16.175.591.200 - 0]}{1.289.480} \\ &= 12.544 \end{aligned}$$

Chú ý: Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000đ/CP

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay công ty chưa có cổ đông là thể nhân, pháp nhân người nước ngoài.

Tuy nhiên khi Công ty có cổ đông là người nước ngoài thì theo quy định hiện hành tại Thông tư 121/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003: mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam tối đa bằng 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam.

7. Các loại thuế có liên quan

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty cổ phần Giấy Hải Âu được thành lập theo Quyết định số 57/HĐQT ngày 02/05/2002 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng (HAPACO) và chính thức đi vào hoạt động sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000213 ngày 07/05/2002, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành như sau:

+ Từ ngày 01/06/2002 đến 31/05/2004: được miễn 100% thuế TNDN.

+ Từ ngày 01/06/2004 đến 31/05/2006: được giảm 50% thuế TNDN.

- Thuế liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán:

Ngày 29/04/2005, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5248/TC-CST hướng dẫn tạm thời về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCKHN, theo đó các tổ chức thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại TTGDCKHN sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như các tổ chức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (quy định tại Công văn 11924-TC/CST ngày 20/10/2004). Tức là các tổ chức có chứng khoán được đăng ký lần đầu được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Năm giảm thuế được xác định phù hợp với kỳ tính thuế và thời gian giảm thuế được tính liên tục từ kỳ tính thuế mà tổ chức có chứng khoán được niêm yết. Trường hợp thời gian giảm thuế của năm đầu chưa đủ 12 tháng do thời điểm niêm yết không phải đầu năm thì tổ chức niêm yết được giảm thuế trong kỳ tiếp theo.

Hiện nay Bộ Tài chính đang soạn thảo những quy định mới về ưu đãi thuế theo hướng tạo nhiều ưu đãi hơn cho doanh nghiệp niêm yết. Các quy định này có thể sẽ sớm được ban hành trong thời gian tới.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Giấy Hải Âu - một trong những doanh nghiệp Hải Phòng đầu tiên đăng ký giao dịch trên TTGDCK Hà Nội - còn được hưởng các ưu đãi của UBND thành phố Hải Phòng là: cấp lại 50% số thuế TNDN của 01 năm sau khi doanh nghiệp đã được miễn giảm thuế TNDN theo quy định của Nhà nước khi niêm yết trên thị trường chứng khoán; hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng để chi phí kiểm toán 02 năm khi đăng ký niêm yết; hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng chi phí tư vấn, nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên thị trường.

- Thuế thu nhập đối với nhà đầu tư chứng khoán:

Tại thời điểm hiện nay, theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/12/2004, các nhà đầu tư là cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải phòng (HASECO)

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan - Q.Hồng Bàng - Hải Phòng
Điện thoại: (031) 821.405 / 842.335
Fax: (031) 746.266
Email: chungkhoanhaiphong@hn.vnn.vn
Website: <http://www.hpsc.com.vn>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hải phòng cấp ngày 05/09/2003.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2003.

Giấy phép hoạt động lưu ký số 17/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/10/2003.

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Trụ sở chính: Số 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 272 295

Fax: (84-8) 8 272 300

Chi nhánh Hà Nội: Số 877 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 9 324 133

Fax: (84-4) 9 324 113

Chi nhánh Nha Trang: Số 100 Quang Trung, Thành phố Nha Trang

Điện thoại: (84-58) 811 591

Fax: (84-58) 811 593

Quyết định chấp thuận Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán Số 317/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2004

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Là một ngành công nghiệp nằm trong cơ cấu kinh tế chung của quốc gia, sự phát triển của ngành giấy cũng phụ thuộc vào chu kỳ biến động của nền kinh tế. Bất cứ sự thay đổi nào của toàn bộ nền kinh tế cũng sẽ trực tiếp hay gián tiếp tác động đến sự phát triển của ngành.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam liên tục duy trì một tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Thu nhập bình quân đầu người được cải thiện kéo theo đời sống vật chất tinh thần của đại bộ phận dân chúng tăng cao.

Ngành giấy là một ngành sản xuất hàng tiêu dùng, các sản phẩm của ngành phụ thuộc rất lớn vào sự thay đổi nhu cầu của người dân. Vì vậy cùng với những tín hiệu khả quan của nền kinh tế, những cơ hội phát triển của ngành cũng ngày càng được mở rộng. Nhưng bên cạnh đó, nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng đặt ngành giấy trước thách thức phải đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã,... nếu không sẽ bị những sản phẩm chất lượng cao của Indonexia, Hàn Quốc, Nhật Bản chiếm lĩnh thị trường.

Có thể nói, sự ổn định chính trị, những ưu đãi của Chính phủ trong bảo hộ ngành trong những năm qua đã tạo cho ngành giấy một tiền đề quan trọng trước khi bước vào cạnh tranh hội nhập AFTA. Nhưng để đứng vững được khi mở cửa thị trường, tình trạng đầu tư chậm, quy mô nhỏ như hiện nay cần phải được khắc phục. Tính đến năm 2004, toàn ngành có khoảng 300 nhà máy sản xuất giấy và bột giấy nhưng phần lớn chỉ quy mô từ 500-20.000 tấn/năm; chỉ có 20 nhà máy quy mô trên 20.000 tấn/năm và 3 nhà máy quy mô trên 50.000 tấn/năm.

(Nguồn số liệu: <http://www.vneconomy.com.vn>)

Trong thời gian gần đây, những biến động chung của nền kinh tế như tỷ lệ lạm phát cao, giá xăng dầu leo thang,... cũng đã làm cho chi phí đầu vào của toàn ngành tăng lên. Tác động của những nhân tố đó không chỉ ở khía cạnh trực tiếp mà còn ở tác động dây chuyền khi các yếu tố đầu vào khác như cước vận tải, dịch vụ,... cũng tăng, ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong ngành giấy nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống các văn bản pháp luật nước ta chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao, chính sách bảo hộ bản quyền sản phẩm chưa chặt chẽ; vì vậy còn tạo nhiều kẽ hở cho các hoạt động gian lận thương mại. Tại thị trường trong nước hàng giả, hàng nhái nhãn hiệu Công ty diễn ra ngay tại Hải Phòng và các thành phố khác như Hà Nội, Vinh,...

Ngành giấy hiện đang được khuyến khích phát triển, nhưng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, trong quá trình hoạt động và đầu tư, Công ty cần phải tính đến yếu tố ô nhiễm môi trường và luôn có sự đầu tư thích đáng cho việc bảo vệ môi trường sống và làm việc.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để sản xuất giấy để nhũ xuất khẩu, giấy vệ sinh và các loại giấy mỏng là tre nứa từ các vùng Đông Bắc, bột giấy và lễ trắng.

Theo tính toán của Hiệp hội Giấy Việt Nam, năm 2005 toàn ngành cần khoảng 5 triệu tấn gỗ, tre nứa,.. tương đương 100.000 hecta rừng nguyên liệu. Tuy nguồn vốn rừng hiện nay vẫn đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất 1.200.000 tấn/năm; nhưng các chính sách hiện nay chưa thật hấp dẫn người trồng rừng, có thể gây ra tình trạng tàn phá cạn kiệt sau sau 5 năm tới nếu rừng không được khuyến khích trồng lại.

Đối với công ty nói riêng và Việt Nam nói chung, nguồn nguyên liệu bột vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn từ nước ngoài. Trong năm 2004, ngành giấy mới phát huy được 69% công suất thiết bị sản xuất bột, đạt sản lượng 218.968 tấn. Và theo dự báo trong năm 2005, ngành giấy sẽ phải nhập khẩu khoảng 200.000 tấn bột và 50.000 tấn giấy loại (OCC, ONP) phục vụ cho sản xuất, tăng 42% so với năm 2005. Rõ ràng, việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu sẽ giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; khi thị trường thế giới có sự biến động về sản lượng và giá cả thì hoạt động sản xuất của Công ty sẽ kém ổn định.

Tuy nhiên trong một vài năm tới, tình hình nguyên liệu bột giấy sẽ khả quan hơn khi một loạt dự án đầu tư của ngành giấy đang được thực hiện. Có thể kể ra đây một số dự án lớn: dự án nhà máy bột giấy Thanh Hoá 60.000 tấn bột/năm,... Và bản thân công ty HAPACO cũng đã đầu tư nhà máy bột giấy tại huyện Mai Châu - Hoà Bình công suất 10.000 tấn/năm; cùng 2 dự án lớn sẽ được khởi công trong năm 2005 là Nhà máy bột giấy tại Yên Bái công suất 20.000 tấn/năm; Nhà máy bột giấy Hà Giang công suất 32.000 tấn/năm.

(Nguồn số liệu: <http://www.agroviat.gov.vn/> ; <http://www.mofa.gov.vn/> và HAPACO)

3.2 Rủi ro ngành nghề

Là một doanh nghiệp trong ngành giấy, hoạt động đầu tư, sản xuất của Công ty sẽ phải tuân thủ theo quy luật phát triển bền vững của ngành giấy từ năm 2005 đến 2010 phát triển phải sử dụng công nghệ mới, thiết bị tiên tiến, hiện đại, mức độ tự động hoá cao,... mới có thể tồn tại. Bên cạnh đó, theo lộ trình gia nhập AFTA, sang năm 2006, mức thuế nhập khẩu các mặt hàng giấy sẽ chỉ còn 0-5%, sẽ gây áp lực cạnh tranh rất lớn cho các doanh nghiệp trong ngành.

Theo phân tích của *www.paperloop.com*, hãng tin chuyên ngành công nghiệp giấy thế giới, trong thời gian gần đây có rất nhiều dự án giấy quy mô lớn đang được xúc tiến tại Thái Lan, Malaixia và Indonexia. Và với một thị trường 80 triệu dân, Việt Nam sẽ là một thị trường hấp dẫn cho các hãng nước ngoài thâm nhập và khai thác. Thực tế đó đang đòi hỏi những chiến lược mạnh mẽ của ngành giấy nếu không muốn bị mất thị phần ngay tại thị trường Việt Nam.

3.3 Rủi ro về thị trường

Thị trường trong nước:

Thị trường giấy trong nước ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt. Đối với công ty, sự cạnh tranh chủ yếu là thị trường giấy vệ sinh và khăn giấy chất lượng cao. Hiện nay sản phẩm của một số công ty liên doanh đã có thị phần lớn ở Việt Nam như Puppily, May,...

Thị trường xuất khẩu:

Đây là thị trường chủ yếu của doanh nghiệp chiếm khoảng 65% tổng doanh thu Công ty. Tuy nhiên, mặc dù chiếm tỷ trọng cao nhưng thị trường của Công ty chỉ duy nhất là thị trường Đài Loan với sản phẩm giấy đế. Trong khi các sản phẩm từ Indônêxia, Trung Quốc, Thái Lan cũng đổ xô vào thị trường này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty cần đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng tìm kiếm thêm thị trường mới, đa dạng hoá sản phẩm để giữ vững và tiếp tục khai thác thị trường xuất khẩu truyền thống là Đài Loan.

3.4 Rủi ro tỷ giá

Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu của Công ty, do đó xu hướng giảm giá đồng nội tệ trong tương lai có thể là có lợi cho hoạt động xuất khẩu; tuy nhiên việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhập khẩu máy móc thiết bị trong tương lai có thể bất lợi. Nhưng với mức độ biến động tỷ giá đồng USD thấp như hiện nay và những nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc kiểm soát tỷ giá hối đoái: *có thể nói rủi ro biến động tỷ giá chưa có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty.*

3.5 Rủi ro lãi suất

Với những dự án mà Công ty đang dự định triển khai, việc huy động vốn dưới hình thức đi vay là một lựa chọn phải thực hiện. Trong điều kiện đó, sự biến động của lãi suất ngân hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu vào của Công ty.

Bước vào năm 2005, tình hình lãi suất trên thị trường có những diễn biến hết sức phức tạp. Bắt nguồn từ tỷ lệ lạm phát cao, lãi suất huy động vốn của các ngân hàng đang tăng, tất yếu kéo theo lãi suất cho vay cũng sẽ tăng. Vì vậy, việc thẩm định các dự án đầu tư có dùng vốn vay cần phải được cân nhắc kỹ và lựa chọn thời điểm phù hợp.

3.6 Rủi ro do niêm yết

Việc niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty nhưng cũng có nhiều mặt ảnh hưởng khác. Yêu cầu công khai hoá thông tin, tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán,... có thể làm gia tăng áp lực cạnh tranh và khối lượng công việc quản lý của Công ty. Tuy nhiên, với kinh nghiệm hoạt động trên thị trường chứng khoán của Công ty mẹ HAPACO và của tổ chức tư vấn, các vấn đề trên không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.7 Rủi ro liên quan tới Công ty cổ phần Giấy Hải phòng (HAPACO)

Do HAPACO nắm cổ phần chi phối tại Công ty và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có mối liên hệ chặt chẽ với HAPACO (*xem chi tiết tại Phần III, mục 5*) nên các rủi ro tác động tới hoạt động của HAPACO cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, các sản phẩm của HASCO hiện đang mang thương hiệu của HAPACO nên có thể sẽ có khó khăn cho HASCO (trong trường hợp HASCO không đứng vững trên thị trường) nếu HAPACO có những phản ứng liên quan bất lợi cho HASCO.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch hoạ, dịch bệnh, chiến tranh,... cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; ví dụ ảnh hưởng của hạn hán, bão, cháy rừng... có thể tác động đến nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Tuy nhiên, do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro thường trực nhất của Công ty là rủi ro do hoạ hoạn gây ra. Để hạn chế tối đa thiệt hại, công ty có thể áp dụng chính sách mua bảo hiểm và đầu tư thích đáng cho công tác phòng chống cháy nổ.

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Sổ theo dõi cổ đông của Công ty
- 3. Phụ lục III:** Nghị quyết của HĐQT về đăng ký giao dịch cổ phiếu
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán năm 2004
- 5. Các phụ lục khác:** Báo cáo tài chính Quý I năm 2005 của Công ty

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

GIÁM ĐỐC

**Vũ Dương Hiền
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Nguyễn Thị Ngọc
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Vũ Thị Dung

Vũ Thị Hiến